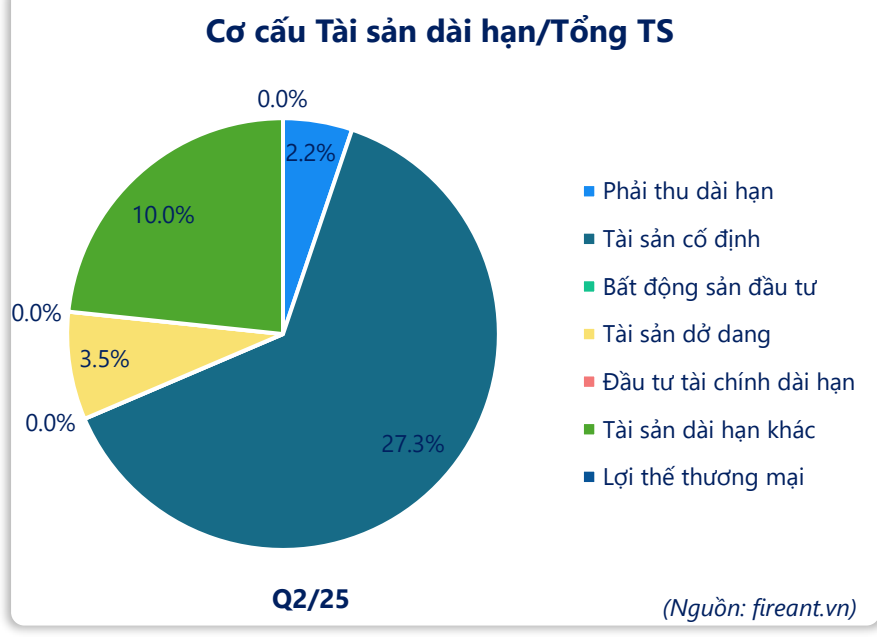
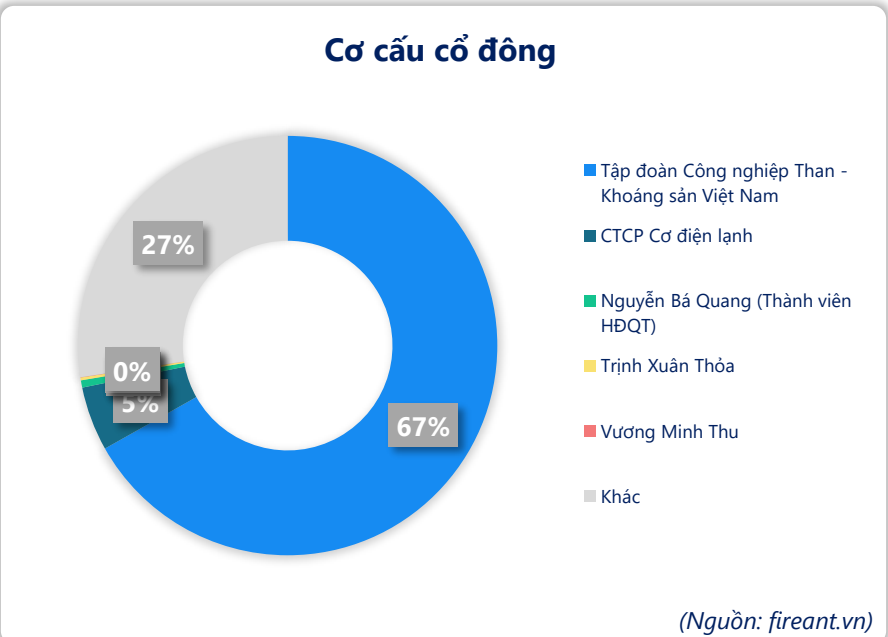
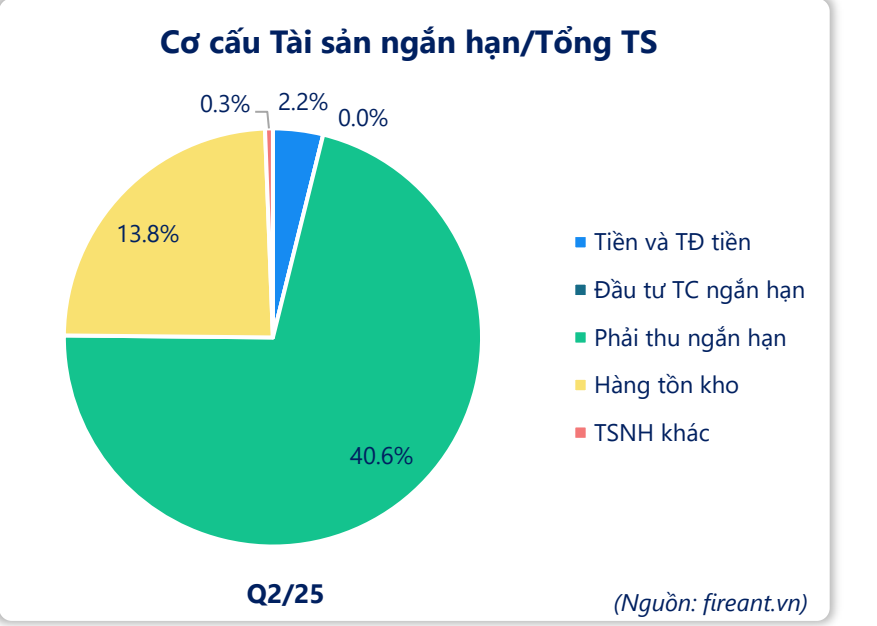
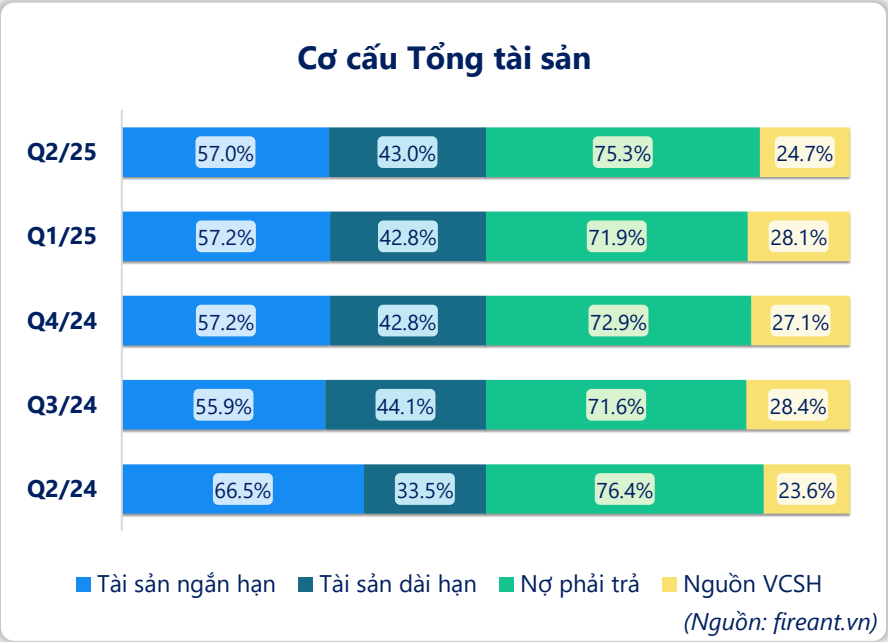
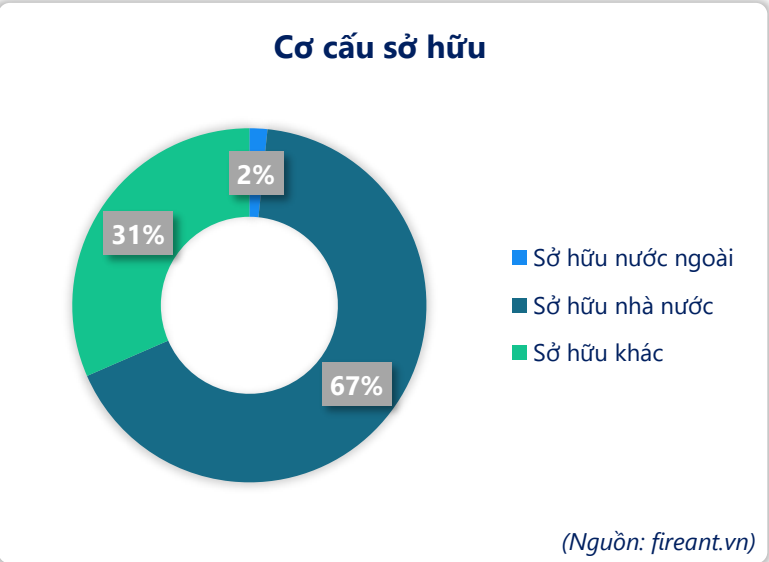
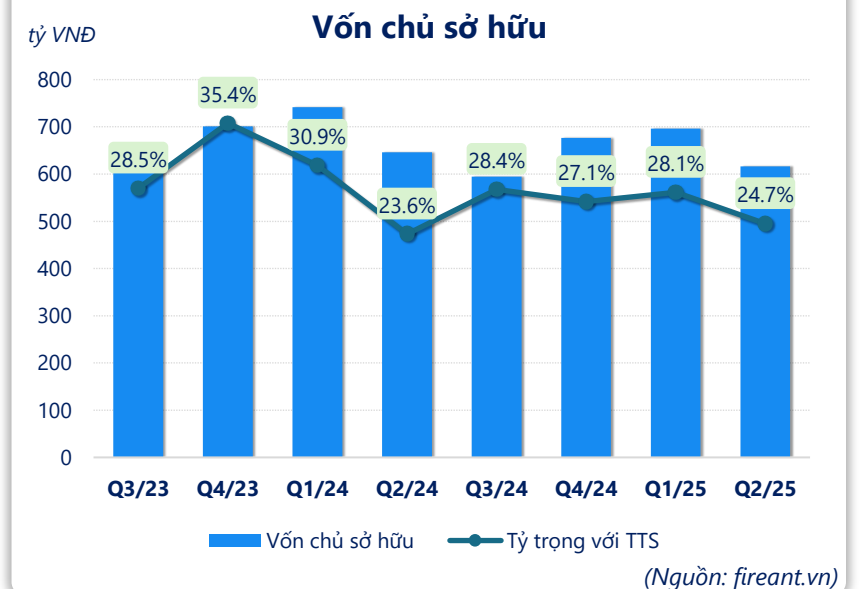
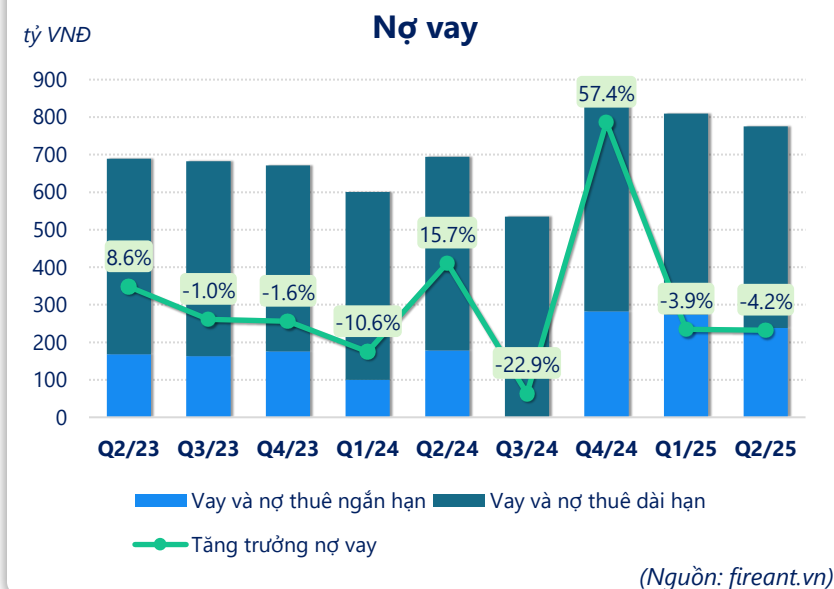
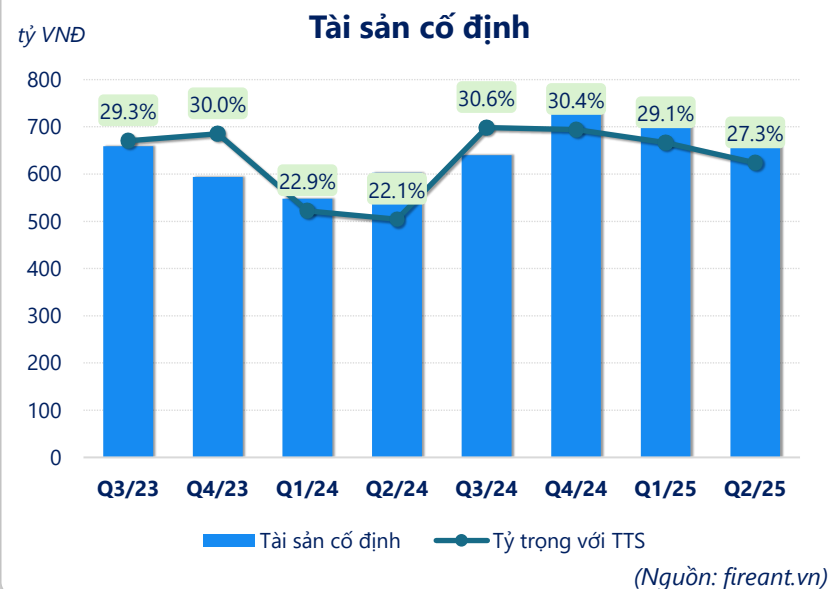
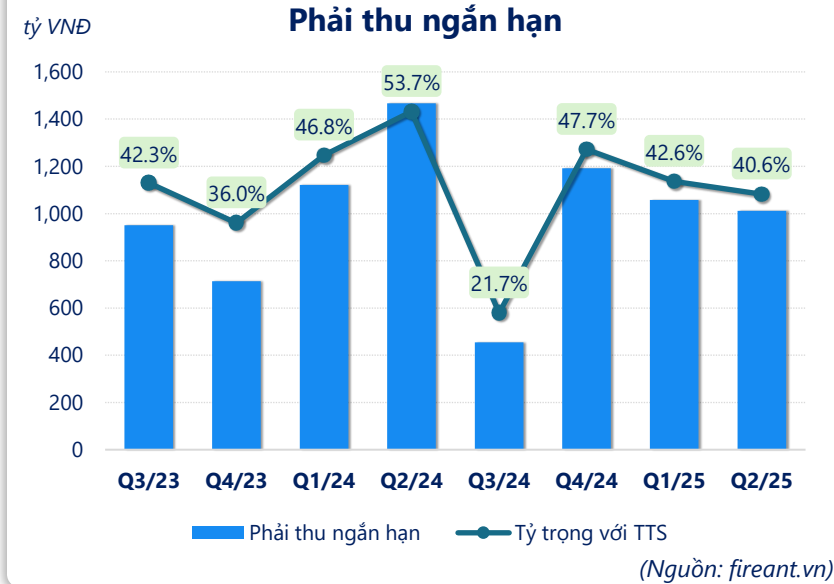
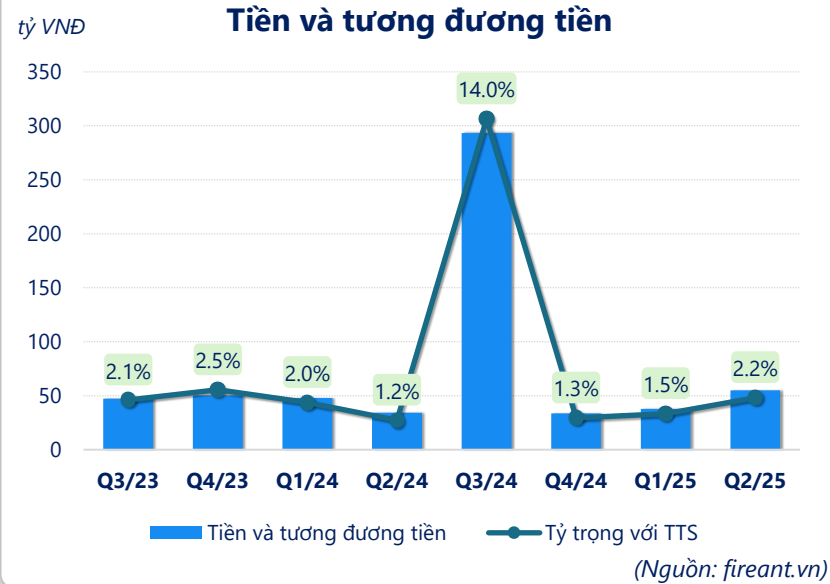
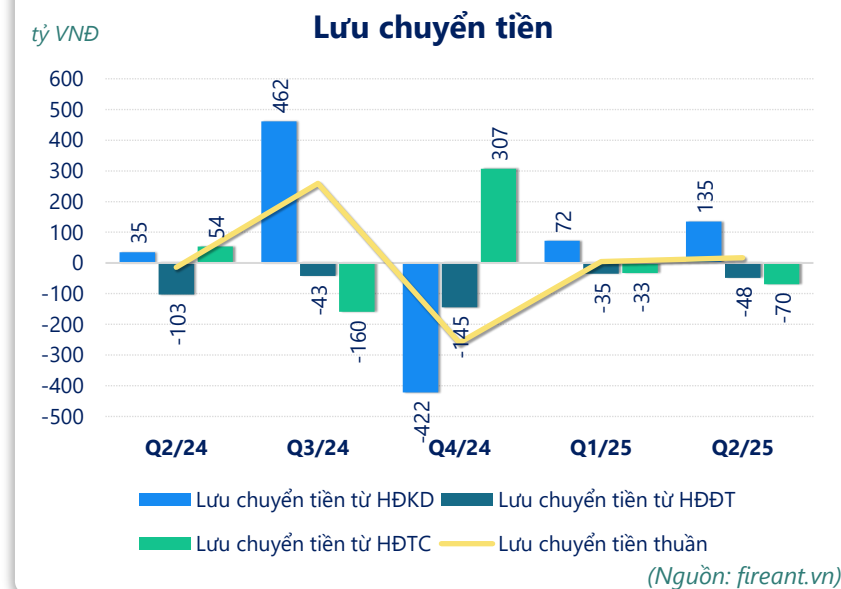
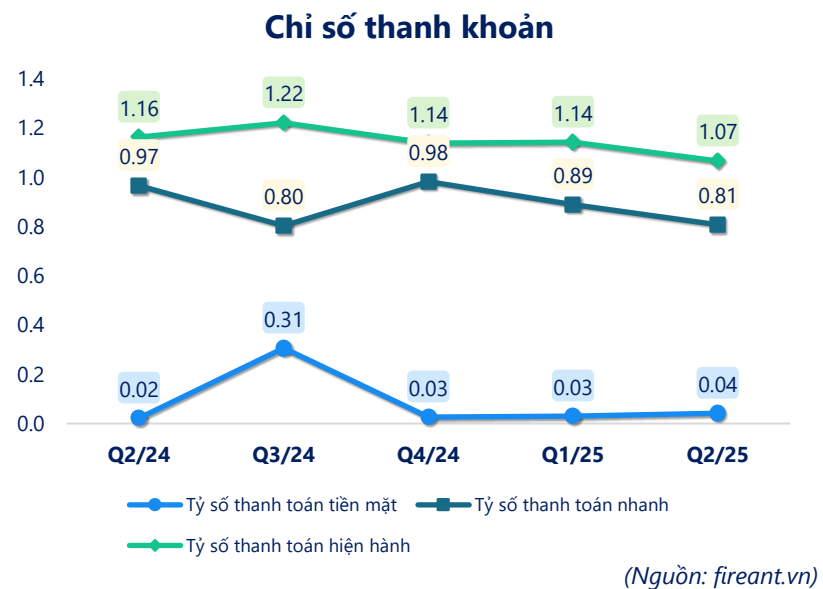
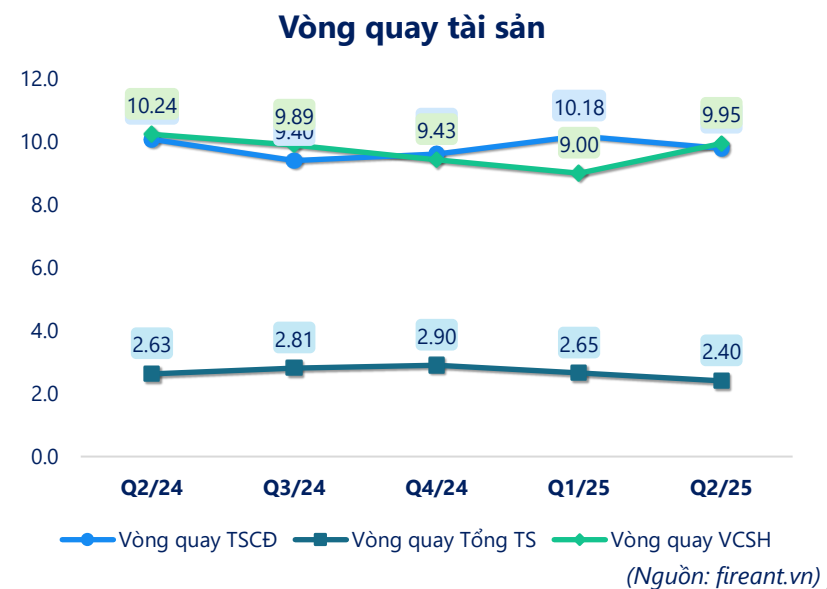
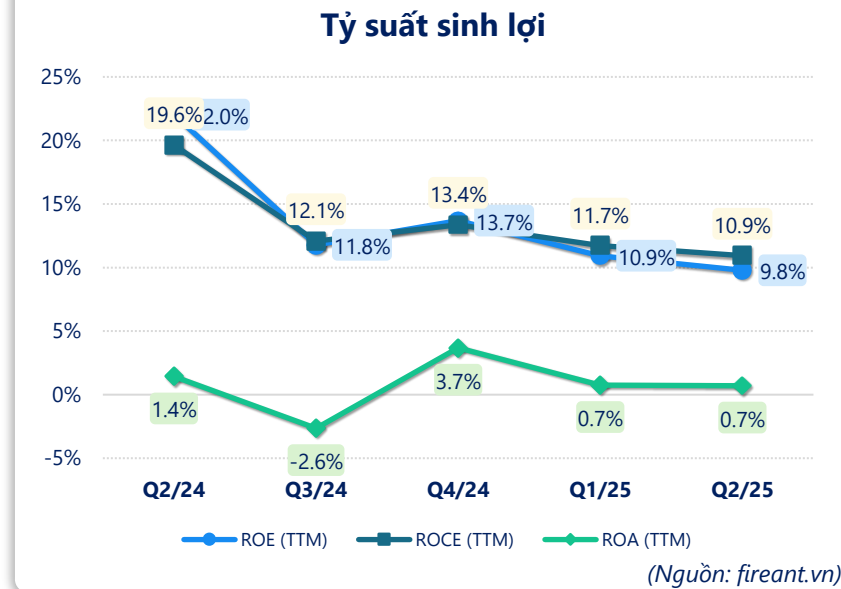
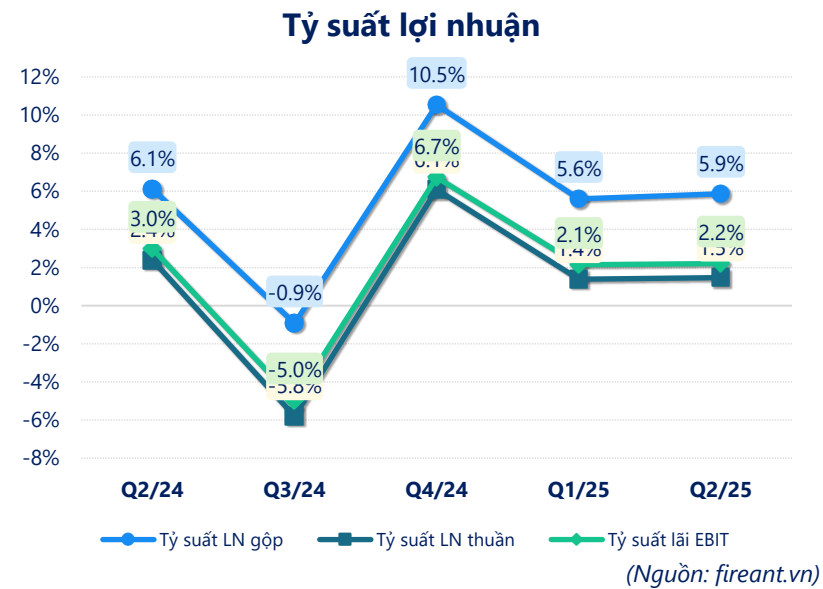
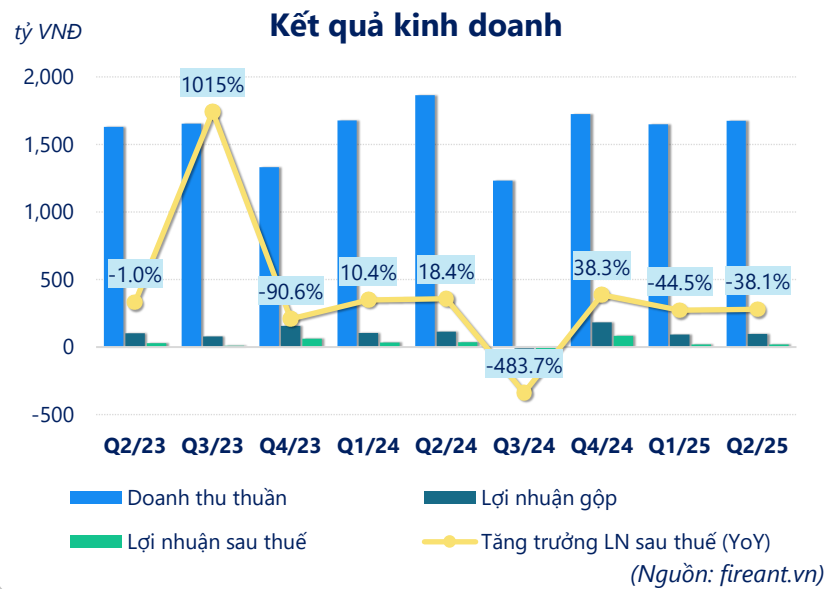


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		10,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		12,468
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		9,304
SL cổ phiếu LH		44,962,864
KLGD BQ 20 phiên (CP)		38,025
% sở hữu nước ngoài		1.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		477
P/E		7.7
EPS		1,373

	YTD	1T	3T	6T
TVD	3.6%	-3.5%	-6.6%	6.5%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	2,490	2,472	0.7%
Tài sản ngắn hạn	1,418	1,403	1.1%
Tiền và tương đương tiền	54.9	33.6	63.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	1,011	1,165	-13.2%
Hàng tồn kho	344	195	75.9%
Tài sản ngắn hạn khác	8.58	8.20	4.6%
Tài sản dài hạn	1,072	1,070	0.2%
Phải thu dài hạn	55.6	49.4	12.5%
Tài sản cố định	679	759	-10.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	86.6	63.9	35.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	250	197	26.8%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,874	1,794	4.4%
Nợ ngắn hạn	1,330	1,228	8.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	238	282	-15.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	610	503	21.3%
Nợ dài hạn	544	567	-4.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	537	560	-4.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	616	678	-9.1%
Vốn chủ sở hữu	616	678	-9.1%
Vốn điều lệ	450	450	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	1,865	1,231	1,724	1,649	1,674
Giá vốn hàng bán	1,751	1,242	1,542	1,557	1,576
Lợi nhuận gộp	114	-11.4	182	92.4	98.4
Doanh thu HĐTC	0.42	0.43	0.43	0.45	0.46
Chi phí TC	11.4	10.2	11.8	12.4	13.1
Chi phí lãi vay	11.4	10.2	11.8	12.4	13.1
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	3.91	2.77	4.79	3.97	3.93
Chi phí QLDN	54.4	47.4	60.5	53.5	57.1
LN thuần từ HĐKD	44.7	-71.4	105	23.0	24.7
Lợi nhuận khác	-0.40	0.03	-0.80	-0.06	-0.69
LN trước thuế	44.3	-71.3	104	22.9	24.0
Lợi nhuận sau thuế	35.2	-57.3	82.5	18.2	18.4
LNST của CĐ cty mẹ	35.2	-57.3	82.5	18.2	18.4

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	35.1	462	-422	72.2	135
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-103	-42.7	-145	-35.1	-48.1
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	53.7	-160	307	-32.8	-69.8
Tiền đầu kỳ	47.9	34.1	293	33.6	37.9
Lưu chuyển tiền thuần	-13.8	259	-260	4.27	17.1
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	34.1	293	33.6	37.9	54.9

(Nguồn: fireant.vn)